HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ

VỀ

MIỄN THỊ THỰC CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU NGOẠI GIAO, HỘ CHIẾU CÔNG VỤ VÀ HỘ CHIẾU ĐẶC BIỆT

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ (sau đây gọi là "các Bên ký kết");

Mong muốn tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước;

Nhằm tạo thuận lợi cho việc đi lại của công dân hai nước mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và hộ chiếu đặc biệt;

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Hiệp định này áp dụng đối với hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ có giá trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và hộ chiếu đặc biệt có giá trị của nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ.

Điều 2

1. Công dân của một Bên ký kết mang hộ chiếu có giá trị nêu tại Điều 1 được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và được tạm trú trên lãnh thổ Bên ký kết kia không quá chín mươi (90) ngày.

2. Theo đề nghị bằng văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của một Bên ký kết, Bên ký kết kia có thể gia hạn thời gian tạm trú cho những người nói tại khoản 1 Điều này.

Điều 3

1. Công dân của một Bên ký kết là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia cũng như thành viên gia đình họ, mang hộ chiếu có giá trị nêu tại Điều 1, được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và được tạm trú trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trong suốt nhiệm kỳ công tác.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này cũng áp dụng đối với công dân của một Bên ký kết là thành viên của tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia cũng như thành viên gia đình họ, mang hộ chiếu có giá trị nêu tại Điều 1.

3. Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người nói tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải hoàn tất các thủ tục đăng ký lưu trú cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.

Điều 4

1. Các Bên ký kết sẽ trao đổi mẫu các loại hộ chiếu nêu tại Điều 1 thông qua đường ngoại giao.

2. Nếu một Bên ký kết sửa đổi các loại hộ chiếu nêu tại Điều 1 thì thông báo cho Bên ký kết kia mẫu hộ chiếu mới ít nhất ba mươi (30) ngày trước khi đưa ra sử dụng.

Điều 5

Công dân của một Bên ký kết mang hộ chiếu có giá trị nêu tại Điều 1 được nhập cảnh và xuất cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia tại các cửa khẩu dành cho khách quốc tế.

Điều 6

Hiệp định này không miễn cho công dân của một Bên ký kết mang hộ chiếu có giá trị nêu tại Điều 1 nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và quy định hiện hành trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

Điều 7

Hiệp định này không hạn chế quyền của một Bên ký kết không cho nhập cảnh hoặc rút ngắn thời hạn tạm trú đối với công dân của Bên ký kết kia mang hộ chiếu có giá trị nêu tại Điều 1 nếu họ bị coi là người không được hoan nghênh.

Điều 8

Một Bên ký kết có thể đình chỉ toàn bộ hoặc một phần việc thực hiện Hiệp định này vì các lý do trật tự công cộng, an ninh hoặc sức khỏe cộng đồng. Việc đình chỉ hoặc chấm dứt đình chỉ phải được thông báo ngay cho Bên ký kết kia qua đường ngoại giao.

Điều 9

Hiệp định này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung theo thoả thuận của các Bên ký kết thông qua trao đổi công hàm ngoại giao.

Điều 10

1. Hiệp định này có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau ngày nhận được thông báo cuối cùng theo đó các Bên ký kết thông báo cho nhau việc hoàn tất các thủ tục nội luật để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ về miễn thị thực, ký ngày 11 tháng 6 năm 1998 tại Hà Nội, sẽ chấm dứt hiệu lực khi Hiệp định này có hiệu lực.

3. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn và sẽ tiếp tục có hiệu lực tới ngày thứ chín mươi (90) sau ngày một Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định thông qua đường ngoại giao.

Để làm bằng, những người ký dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2007, thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Anh; các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh được dùng làm căn cứ.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ**
Nguyễn Phú Bình	**Yahya AKKURT**
Thứ trưởng	**Đại sứ đặc mệnh toàn quyền**
Bộ Ngoại giao	**tại Việt Nam**

VİETNAM SOSYALİST CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ İLE TÜRKİYE CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ ARASINDA DİPLOMATİK, RESMİ, HİZMET VE HUSUSİ PASAPORT HAMİLLERİ İÇİN VİZENİN KARŞILIKLI OLARAK KALDIRILMASINA DAİR ANLAŞMA

Vietnam Sosyalist Cumhuriyeti Hükümeti ve Türkiye Cumhuriyeti Hükümeti (bundan sonra "Akit Taraflar" olarak anılacaktır.)

İki ülke arasındaki dostane ilişkileri ve işbirliğini daha da geliştirmeyi arzu ederek;

Ve iki ülkenin diplomatik, resmi, hizmet ve hususi pasaport hamili vatandaşlarının seyahatlerini kolaylaştırmayı amaçlayarak;

Aşağıdaki hususlarda mutabık kalmışlardır:

Madde 1

Bu Anlaşma Vietnam Sosyalist Cumhuriyeti'nin geçerli diplomatik ve resmi pasaportları ile Türkiye Cumhuriyeti'nin geçerli diplomatik, hususi ve hizmet pasaportlarına uygulanacaktır.

Madde 2

1. Bir Akit Tarafın 1. Madde'de belirtilen pasaport hamili vatandaşları diğer Akit Tarafın ülkesine giriş-çıkış yapmak ve orada azami doksan (90) gün süreyle kalmak için vizeden muaf tutulacaktır.

2. Bir Akit Tarafın diplomatik temsilciliğinin ya da konsolosluğunun yazılı talebi halinde diğer Akit Taraf bu maddenin 1. paragrafında sözü edilen kişilerin ikamet sürelerini uzatabilir.

Madde 3

1. Bir Akit Tarafın, diğer Akit Tarafın ülkesinde bulunan diplomatik temsilciliği veya konsolosluğu mensubu olan vatandaşları ile bunların 1. maddede belirtilen pasaport hamili aile bireyleri, diğer Akit Tarafın ülkesine giriş-çıkış yapmak ve görevleri süresince orada kalmak için vize zorunluluğundan muaf tutulacaktır.

2. Bu maddenin 1. paragrafındaki hükümler, bir Akit Tarafın, diğer

Akit Tarafın ülkesinde yerleşik uluslararası kuruluşların mensubu olan vatandaşları ile bunların 1. maddede belirtilen pasaport hamili aile bireyleri için de uygulanacaktır.

3. Bu maddenin 1. ve 2. fıkrasında sözü edilen kişilerin giriş tarihinden itibaren doksan (90) gün içinde ikamet kaydı için evsahibi ülkenin yetkili makamları nezdinde gerekli işlemleri tamamlamaları gerekmektedir.

Madde 4

1. Akit Taraflar, 1. maddede belirtilen pasaportların örneklerini diplomatik kanallardan teati edeceklerdir.

2. Şayet Akit Taraflardan biri, 1. maddede belirtilen pasaportlarda değişiklik yapar ise, yeni pasaportların örneklerini, kullanılmaya başlamalarından en az otuz (30) gün önce diğer Akit Tarafa gönderecektir.

Madde 5

Bir Akit Tarafın 1. maddede belirtilen pasaport hamili vatandaşları, diğer Akit Tarafın ülkesine uluslararası yolcu trafiği için belirlenmiş sınır kapılarından giriş-çıkış yapacaklardır.

Madde 6

Bu Anlaşma, bir Akit Tarafın 1. maddede belirtilen pasaport hamili vatandaşlarının diğer Akit Tarafın yürürlükteki yasa ve yönetmeliklerine uyma zorunluluğunu ortadan kaldırmaz.

Madde 7

Bu Anlaşma, bir Akit Tarafın diğer Akit Tarafın 1. maddede belirtilen pasaport hamili vatandaşlarından arzu edilmeyen şahısların toprağına girmesini reddetme veya kalma süresini kısaltma hakkını sınırlamaz.

Madde 8

Bir Akit Taraf, bu Anlaşmanın uygulanmasını kamu düzeni, kamu güvenliği ve kamu sağlığı sebepleriyle kısmen veya tamamen askıya alabilir. Askıya alma veya askıdan kaldırma diğer Akit Tarafa diplomatik kanallardan derhal bildirilecektir.

Madde 9

Bu Anlaşmada değişiklik veya ilaveler Akit Tarafların karşılıklı rızasıyla Nota Teatisi suretiyle yapılabilir.

Madde 10

1. Bu Anlaşma Akit Tarafların Anlaşmanın yürürlüğe girmesi için gerekli iç prosedürlerin yerine getirildiğine ilişkin birbirlerine yaptıkları bildirimlerin sonuncusunun alındığı tarihi takip eden otuzuncu (30.) gün yürürlüğe girecektir.

2. Bu Anlaşmanın yürürlüğe girmesiyle, Vietnam Sosyalist Cumhuriyeti ile Türkiye Cumhuriyeti arasında Hanoi'de imzalanan 11 Haziran 1998 tarihli "Vize Muafiyeti Anlaşması" yürürlükten kalkacaktır.

3. Bu Anlaşma süresiz olarak akdedilmiştir ve Akit Taraflardan birisinin Anlaşmayı feshetme niyetini diğer Akit Tarafa diplomatik yoldan bildirdiği tarihten sonraki doksanıncı (90.) güne kadar yürürlükte kalacaktır.

İşbu Anlaşma, Hükümetleri tarafından tam yetki verilmiş aşağıda imzası bulunanlar tarafından imzalanmıştır.

İşbu Anlaşma Hanoi'de, 26 Ocak 2007 tarihinde, Vietnamca, Türkçe ve İngilizce dillerinde, her metin aynı derecede geçerli olmak üzere, ikişer nüsha olarak imzalanmıştır. Anlaşmanın yorumlanmasında görüş ayrılıklarının ortaya çıkması halinde, İngilizce metin esas alınacaktır.

VİETNAM SOSYALİST CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ ADINA	**TÜRKİYE CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ ADINA**
Nguyen Phu Binh	**Yahya AKKURT**
Dışişleri Bakan Yardımcısı	**Hanoi Büyükelçisi**

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF TURKEY

ON

MUTUAL ABOLITION OF VISAS FOR HOLDERS OF DIPLOMATIC, OFFICIAL, SERVICE AND SPECIAL PASSPORTS

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Turkey (hereinafter referred to as "Contracting Parties");

Desiring to further promote friendly relations and cooperation between the two countries;

Aiming at facilitating travel of citizens of both countries holding diplomatic, official, service and special passports;

Have agreed as follows:

Article 1

The present Agreement is applicable to valid diplomatic and official passports of the Socialist Republic of Vietnam and valid diplomatic, service and special passports of the Republic of Turkey.

Article 2

1. Citizens of either Contracting Party holding valid passports specified in Article 1 shall be exempted from visa requirements for entry into, exit from and stay in the territory of the other Contracting Party for a period not exceeding ninety (90) days.

2. Upon request in writing from the diplomatic mission or consular post of either Contracting Party, the other Contracting Party may extend the duration of stay for the persons referred to in paragraph 1 of this Article.

Article 3

1. Citizens of either Contracting Party, who are members of the diplomatic mission or a consular post in the territory of the other Contracting Party, as well as members of their families, holding valid passports specified in Article 1, shall be exempted from visa requirements for entry into, exit from and stay in the territory of the other Contracting Party for the period of their assignments.

2. The provisions of paragraph 1 of this Article shall apply also to citizens of either Contracting Party who are assigned as members of international organisations located in the territory of the other Contracting Party and to members of their families, holding valid passports specified in Article 1.

3. Within ninety (90) days from the date of entry, the persons referred to in paragraphs 1 and 2 of this Article should complete necessary procedures for registration of stay at the competent authorities of the host country.

Article 4

1. The Contracting Parties shall exchange specimens of their passports specified in Article 1 through diplomatic channels.

2. If either Contracting Party modifies its passports, specified in Article 1, it shall transmit to the other Contracting Party specimens of new passports at least thirty (30) days before circulation.

Article 5

Citizens of either Contracting Party holding valid passports specified in Article 1 shall enter and exit the territory of the other Contracting Party through border gates designated for international travellers.

Article 6

This Agreement shall not release citizens of either Contracting Party holding valid passports specified in Article 1 from the obligation to observe the laws and regulations in force in the territory of the other Contracting Party.

Article 7

This Agreement does not restrict the right of either Contracting Party to deny entry or to shorten the duration of stay of any citizen of the other Contracting Party holding valid passports specified in Article 1, who are considered undesirable.

Article 8

Either Contracting Party may suspend the application of this Agreement wholly or partially for reasons of public order, public security or public health. Such a suspension or termination of the suspension shall be notified immediately to the other Contracting Party through diplomatic channels.

Article 9

This Agreement may be amended or supplemented by mutual consent of the Contracting Parties through exchange of diplomatic notes.

Article 10

1. This Agreement shall enter into force on the thirtieth (30^{th}) day following the date of receipt of last notification by which the Contracting Parties communicate to each other that their respective internal procedures for the entry into force of the Agreement have been fulfilled.

2. The Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Turkey on Visa Exemption, signed in Hanoi, on June 11^{th}, 1998, shall be terminated upon the entry into force of this Agreement.

3. This Agreement is concluded for an indefinite period and shall

remain in force until the ninetieth (90th) day after the date on which either Contracting Party notifies the other Contracting Party of its intention to terminate the Agreement through diplomatic channels.

In witness thereof the undersigned being duly authorized by their respective Governments have signed this Agreement.

Done in Hanoi, on January 26th, 2007, in two copies in Vietnamese, Turkish and English, all texts being equally authentic. In case of divergences in interpretation, the English text shall prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Vietnam	**For the Government of the Republic of Turkey**
Nguyen Phu Binh **Deputy Minister** **Ministry of Foreign Affairs**	**Yahya AKKURT** **Ambassador Extraordinary and Plenipotentiary to Vietnam**